

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2022/HC-PT

Ngày 27 - 4 - 2022

V/v “*kiếu kiện quyết định thu hồi, hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Duyên

Ông Lê Thành Long.

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại phòng xét xử số 5 trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 40/2022/TLPT-HC ngày 08 tháng 02 năm 2022, về việc “*kiếu kiện quyết định thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 30 tháng 09 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 393/2022/QĐPT-HC ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Cụ Trương Văn Kh, sinh năm 1935 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp TL, xã TT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của cụ Kh: Anh Trương Hoàng Kh1, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp TL, xã TT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 24/04/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Minh T - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là: UBND) huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp của UBND huyện BT: Ông Trần Văn D - Phó Chủ tịch UBND huyện BT (theo văn bản ủy quyền ngày 09/9/2019, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện BT: Ông Lê Tấn V - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện BT (theo Công văn số 712/UBND-NC ngày 09/9/2020, có mặt).

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 194 đường Nguyễn Văn Th, khóm 5, phường TP, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt ngày 23/9/2021).

2. Trung tâm quản lý và sửa chữa công trình giao thông Vĩnh Long (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 46/1 đường 2/9, Phường 1, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3. UBND xã TT, huyện BT.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1976 - Chủ tịch UBND xã TT (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Cụ Trương Văn Kh là người khởi kiện.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2020 người khởi kiện là cụ Trương Văn Kh trình bày: Vào ngày 15/7/2019, Chủ tịch UBND huyện BT ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND về việc thu hồi: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là: GCN.QSDĐ) số M 599563, sổ vào sổ 63283 đối với thửa đất số 655 tờ bản đồ số 02, diện tích 502,6m², tọa lạc ấp TL, xã TT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long đã cấp cho cụ Trương Văn Kh ngày 20/10/2008 (Sau đây gọi tắt là: Quyết định 1460/QĐ-UBND).

Ngày 22/10/2019, Chủ tịch UBND huyện BT ban hành Quyết định số 2841 về việc hủy GCN.QSDĐ số M 599563, sổ vào sổ 63283 đối với thửa đất số 655 tờ bản đồ số 02 đã cấp cho cụ Trương Văn Kh ngày 20/10/2008 nêu trên. Lý do: Thửa đất 655, diện tích 502,6m² tờ bản đồ số 2 là phần đất nhà nước thu hồi làm đường tỉnh lộ 908, cụ Kh đã nhận tiền bồi hoàn xong nhưng thực tế Nhà nước không có quyết định nào chứng minh là thu hồi đất của cụ Kh mà chỉ

căn cứ theo biên bản ngày 27/10/2003 của Thanh tra huyện BM (sau đây gọi tắt là: Quyết định 2841/QĐ-UBND).

Ngày 18/3/2020, Chủ tịch UBND huyện BT ban hành Quyết định số 690/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của cụ Trương Văn Kh (sau đây gọi tắt là: Quyết định số 690/QĐ-UBND).

Không đồng ý các quyết định trên nên cụ Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1460/QĐ-UBND; Quyết định 2841/QĐ-UBND; Quyết định số 690/QĐ-UBND.

Sau khi nhận được thông báo của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý yêu cầu khởi kiện của cụ Kh. UBND huyện BT có Công văn số 664/UBND-NC ngày 20/8/2020; Công văn số 789/UBND-NC, ngày 09/10/2020 phúc đáp ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau: Trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định số 1460/QĐ-UBND; Quyết định số 2841/QĐ-UBND và Quyết định số 690/QĐ-UBND đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật.

Sau đó tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện hợp pháp của cụ Kh khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 1778/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 1460/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là: Quyết định số 1778/QĐ-UBND); Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 07/09/2020 về việc đính chính Quyết định số 2841/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là: Quyết định số 1779/QĐ-UBND). Và xác định vị trí thửa đất 655 tiếp giáp với phần nương lộ; năm 2016 tuyến tỉnh lộ 908 có tiến hành cải tạo nâng cấp có thu hồi, bồi thường ở thửa đất khác của cụ Kh không thu hồi, bồi thường thửa đất 655; diện tích còn lại của các thửa đất cụ Kh sau khi bị thu hồi còn lại bao nhiêu không xác định.

Đại diện hợp pháp của UBND huyện BT trình bày: Xác định thửa đất 243 của cụ Kh sau khi thu hồi còn lại diện tích 3.880m² nhưng hiện nay cụ Kh tách thửa đất 243 thành 05 thửa (trong đó có thửa đất 655) với diện tích 05 thửa đất là 5.473,6m² tăng 1.593,6m². Diện tích tăng lên 1.593,6m² trong đó có phần đất thuộc thửa đất 655 đã bị thu hồi, hiện trạng là hành lang an toàn giao thông đường tỉnh lộ 908.

Đại diện hợp pháp của UBND xã TT trình bày: Không có ý kiến về việc UBND huyện BT thu hồi và hủy GCN.QSĐĐ đã cấp cho cụ Kh, không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Công văn số 3256/UBND-NC ngày 23/9/2021 UBND thị xã BM trình bày: Ngày 01/01/2008 UBND huyện BT được thành lập, hiện nay đoạn đường thuộc tỉnh lộ 908 và phần đất còn lại của cụ Trương Văn Kh thuộc phạm vi quản lý hành chính của UBND huyện BT. Do đó việc cấp, thu hồi và hủy GCN.QSĐĐ của cụ Trương Văn Kh đối với thửa đất số 655, diện tích 502,6m²

tọa lạc tại ấp TL, xã TT huyện BT thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện BT nên UBND thị xã BM không ý kiến hoặc yêu cầu gì trong vụ án và xin vắng mặt tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/9/2021 Trung tâm quản lý và sửa chữa công trình giao thông Vĩnh Long trình bày: Đoạn đường tỉnh lộ 908 Trung tâm quản lý khi có phát hiện hư hỏng thì phía Trung tâm có trách nhiệm báo về Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long xem xét quyết định đơn vị sửa chữa. Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Kh, Trung tâm không có yêu cầu gì trong vụ án nên xin vắng mặt tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có).

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 3, 30, 32, khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1, khoản 2 Điều 193; Điều 204, Điều 206 và Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 3 Điều 16, khoản 1, khoản 5 Điều 95, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai; Khoản 3, khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/01/2017 sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định quy định về đất đai; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện cụ Trương Văn Kh về việc yêu cầu hủy các quyết định sau đây của UBND huyện BT .

+ Quyết định số 1460/QĐ-UBND, ngày 15/7/2019 về việc thu hồi GCN.QSĐĐ số M 599563, sổ vào sổ 63283, thửa đất số 655 tờ bản đồ số 02, diện tích 502,6m², tọa lạc ấp TL, xã TT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long đã cấp cho cụ Trương Văn Kh ngày 20/10/2008.

+ Quyết định số 2841/QĐ-UB, ngày 22/10/2019 về việc hủy GCN.QSĐĐ số M 599563, sổ vào sổ 63283, thửa đất số 655 tờ bản đồ số 02, diện tích 502,6m², tọa lạc ấp TL, xã TT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long đã cấp cho cụ Trương Văn Kh ngày 20/10/2008.

+ Quyết định số 690/QĐ-UBND, ngày 22/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của cụ Trương Văn Kh, cư ngụ ấp TL, xã TT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

+ Quyết định số 1778/QĐ-UBND về việc đình chính Quyết định số 1460/QĐ-UBND, ngày 15/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện BT.

+ Quyết định số 1779/QĐ-UBND, ngày 07/9/2020 về việc đính chính Quyết định số 2841/QĐ-UBND, ngày 22/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện BT.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho cụ Kh (người cao tuổi).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 07/10/2021, cụ Trương Văn Kh có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Lý do kháng cáo:

1. UBND huyện BT không xác định được cụ thể, chính xác phần đất thửa 655 của cụ Kh bị thu hồi theo quyết định nào, do vậy việc UBND huyện BT cho là thửa đất số 655 đã bị thu hồi rồi là không có cơ sở chấp nhận, cụ thể các phần đất của cụ Kh lần lượt bị thu hồi một phần diện tích để làm cầu, đường tỉnh lộ 908 bởi 5 quyết định thu hồi đất, gồm:

- 02 quyết định của UBND tỉnh Vĩnh Long thu hồi đất làm cầu số 10 và số 11:

+ Quyết định số 3441/QĐ-UB ngày 13/10/2003, thu hồi diện tích 1.026,9m².

+ Quyết định số 3850/QĐ-UB ngày 24/10/2003, thu hồi diện tích 2.588m².

- 03 quyết định của UBND huyện BM thu hồi đất làm đường tỉnh 908:

+ Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 18/9/2006, thu hồi diện tích 4.632,8m².

+ Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 18/9/2006, thu hồi diện tích 1.796m².

+ Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 18/9/2006, thu hồi diện tích 1.458m².

Trước khi ban hành 03 quyết định nói trên thì các diện tích đất thu hồi đã bị thu hồi cũng đã được chính quyền đo đạc lấy đi để làm đường tỉnh 908 và đã chi trả tiền đền bù xong, sau đó UBND huyện BM (nay là BT) mới ban hành các quyết định thu hồi đất để hợp thức hóa diện tích đất đã thu hồi.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 690/QĐ-UBND xác định thửa đất số 655 là đã bị thu hồi tại 03 quyết định, gồm: Quyết định 3441/QĐ-UB ngày

13/10/2003, Quyết định 2349/QĐ-UB ngày 18/9/2006 và Quyết định số 2351 ngày 18/9/2006.

Tại Biên bản đối thoại ngày 23/9/2020 thì UBND huyện BT xác định lại thửa đất số 655 là đã bị thu hồi theo Quyết định số 2350 ngày 18/9/2006 thu hồi 1.796m² chiết thửa 213 (nay là thửa 655).

Tại phiên tòa sơ thẩm UBND huyện BT khẳng định phần đất thửa 655 là đã bị thu hồi theo 02 quyết định là: Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 và Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 18/9/2006.

Qua đó cho thấy phần đất bị thu hồi của cụ Kh tại thửa đất số 655 là không có căn cứ.

Theo cụ Kh thực tế sau khi bị thu hồi một phần diện tích đất, thửa 655 (là phần diện tích đất còn lại sau khi đã bị thu hồi một phần) gia đình cụ vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng liên tục cho đến nay mà không hề có văn bản nào của cơ quan chức năng thể hiện là phần đất thửa 655 đã bị thu hồi nhưng vẫn để gia đình cụ Kh sử dụng.

2. GCN.QSĐĐ thửa đất số 655 – diện tích 502,6m² do UBND huyện BT cấp cho cụ Kh ngày 20/10/2008 là hợp pháp, đúng trình tự, thủ tục luật định, cụ thể: Phần đất thửa 243 sau khi bị thu hồi một phần, phần diện tích còn lại cụ Kh làm hồ sơ theo quy định xin đo đạc tách thành 05 thửa đất, trong đó có thửa đất số 655.

Tại Biên bản xác minh đo đạc ngày 17/7/2008 (trong hồ sơ cấp GCN.QSĐĐ cho cụ Kh năm 2008) có ghi rõ: “Thửa đất số 243 – diện tích 7.200m² – loại đất Q (quả), đo đạc thực tế 5.473,9m² phần diện tích thu hồi đường 908 là 1.458m², diện tích giảm 268,1m² do hai phương pháp đo vẽ và tính diện tích khác nhau”. Diện tích bị thu hồi 1.458m² theo Biên bản xác minh ngày 17/7/2008 vừa nêu là diện tích bị thu hồi theo Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 của UBND huyện BT thu hồi chiết thửa 243a- diện tích 1.458m² làm đường tỉnh lộ 908.

Để cấp GCN.QSĐĐ cho cụ Kh thửa 655, cơ quan chuyên môn cùng chính quyền địa phương đã xác minh thực tế, đã đối chiếu tài liệu địa chính lưu trữ xác định phần diện tích này là không bị thu hồi, còn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Kh, nên mới cấp GCN.QSĐĐ, như vậy là hợp pháp, đúng trình tự, thủ tục luật định.

3. Chứng cứ chứng minh phần đất thửa 655 đã bị thời, đã bồi hoàn xong nêu tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 là không có cơ sở, cụ thể: Biên bản do Thanh tra huyện BM lập ngày 27/10/2003 không thể hiện cụ Kh thừa nhận phần đất thửa 655 là đã bị thu hồi; và phiếu chi

số 25 ngày 10/6/2004, theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 690/QĐ-UBND cho là việc chi trả tiền tại phiếu chi số 25 là chi trả tiền đền bù bổ sung thửa đất số 655 và được thực hiện trên cơ sở được UBND tỉnh Vĩnh Long phê duyệt tại Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 19/5/2004, nhưng cụ Kh cho rằng Quyết định số 1257 chi trả bổ sung cho cụ tại phiếu chi số 25 được thể hiện tại tờ trình ngày 12/5/2004 của Hội đồng thẩm định đền bù tỉnh Vĩnh Long là đền bù bổ sung do tăng hạng đất đối với diện tích đất 4.632,8m² bị thu hồi theo Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 18/9/2006, trong khi đó thửa đất 655 là phần còn lại của thửa 243 bị thu hồi diện tích 1.458m².

4. Về văn bản số 150/UB ngày 04/6/2002 và văn bản số 1336/UBND-KTN ngày 25/4/2016 cùng của UBND tỉnh Vĩnh Long mà người khởi kiện cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm.

4.1. Về Văn bản 150/UB “V/v phạm vi bồi hoàn, giải tỏa thu hồi đất tuyến ĐT 908” ngày 04/6/2002 có nội dung: *“Những đoạn trên tuyến đường tỉnh 908 đi qua ruộng lúa, đất vườn phạm vi bồi thường giải tỏa từ chân taluy (theo thiết kế) ra mỗi bên là 4m. Riêng những đoạn trên tuyến đi cập theo kênh có khoảng cách từ chân taluy ra đến mép kênh nhỏ hơn hoặc bằng 15m thì áp giá đền bù và thu hồi đất vĩnh viễn. Toàn bộ phần diện tích trên sau khi bồi hoàn vẫn giữ nguyên hiện trạng (không được lấy đất để đắp lên đường), toàn bộ diện tích trên là đất công cộng giao cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý công trình có trách nhiệm quản lý theo quy định về hành lang lộ giới”*.

Liên hệ với thửa đất 655 của cụ Kh:

+ Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình TL ngày 01/9/2008 (có tại hồ sơ cấp GCN.QSĐĐ thửa 655) thể hiện: Từ lề lộ (chân taluy) vào thửa đất số 243-5 (nay là thửa đất số 655) là cách mương lộ khoảng 5m chạy dọc hết thửa đất số 243-5 phần mương lộ này là đất gốc của cụ Kh đã bị thu hồi làm lộ và bồi hoàn xong.

+ Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình TL ngày 05/4/2021 (do người bị kiện cung cấp) thể hiện: Từ chân taluy vào thửa đất 243-5 (nay là thửa 655) vào hết hành lang lộ khoảng 5m chạy dọc hết thửa 243-5, phần hành lang lộ này như thể hiện tại Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 01/9/2008 là phần mương lộ.

Như vậy, cụ Kh cho rằng: Phần đất thửa 243-5 (nay là thửa 655) là không thuộc phạm vi bồi hoàn, giải tỏa thu hồi đất tuyến đường tỉnh 908.

4.2. Đối với văn bản 1336/UBND-KTN “V/v phạm vi giải phóng mặt bằng thu hồi đất dự án cải tạo nâng cấp đường tỉnh 908 qua các huyện Long Hồ, Tam Bình, BT, tỉnh Vĩnh Long, ngày 25/4/2016 có nội dung: *“Từ tim thiết kế*

ra mỗi bên 10m, tổng phạm vi giải phóng mặt bằng 20m. Phần diện tích đất thu hồi sau khi trừ diện tích đất thu hồi đường cũ trước đây thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành”. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện người bị kiện và đại diện UBND xã TT đều xác định phần đất của cụ Kh không có bị thu hồi thêm để thực hiện nâng cấp đường tỉnh 908, chỉ bị thu hồi theo 05 Quyết định đã nêu tại lý do kháng cáo thứ nhất.

Theo Trích đo Bản đồ địa chính khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình TL ngày 01/9/2008 và Trích lục bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình TL ngày 05/4/2021 đều cùng thể hiện hình thể đường tỉnh 908 và thửa đất 243-5 (nay là thửa 655) với tỷ lệ 1/1000, thì thửa đất số 243-5 cách tim đường tỉnh lộ 908 là 10m. Hiện trạng thực tế thửa đất 243-5 (nay là thửa 655) vẫn là còn giáp nương lộ có chiều ngang khoảng 5m, rồi tiếp đến từ nương lộ đến tim lộ cũng khoảng 5m.

Như vậy, cụ Kh cho rằng: Thửa đất 655 của cụ là không nằm trong bất kỳ Quyết định thu hồi đất nào của UBND tỉnh Vĩnh Long và UBND huyện BM (nay là huyện BT) ban hành.

Với 4 lý do kháng cáo trên, cụ Kh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của cụ, sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Kh, hủy các Quyết định mà Tòa sơ thẩm đã bác như liệt kê tại phần quyết định của bản án sơ thẩm.

- Ngày 14/10/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số: 130/QĐ-VKS-HC kháng nghị bản án sơ thẩm, cụ thể:

+ Đối với Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 17/5/2019: Theo Điều 9 Luật khiếu nại năm 2011 thì thời hiệu khiếu nại đối với Quyết định 1460/QĐ-UBND là 90 ngày, ông Khoảnh nhận Quyết định 1460/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 nhưng cùng ngày 22/10/2019 UBND huyện BT lại ban hành Quyết định số 2841/QĐ-UBND là không đúng quy định.

+ Về nội dung: UBND huyện BT ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/7/2019, thu hồi GCN.QSDĐ số M 599563, sổ vào sổ 63283, cấp cho cụ Kh ngày 20/10/2008, thửa 655 tờ bản đồ số 02, diện tích 502,5m² tọa lạc tại ấp TL, xã TT, huyện BT.

Lý do thu hồi: Là thửa đất 655 đã nằm trong phần đất bị thu hồi làm cầu đường 908, cụ Kh đã nhận tiền bồi hoàn xong. Nhưng, UBND huyện BT không cung cấp được tài liệu để chứng minh phần đất thửa 655 (trước đây là thửa 213-thửa mới 243) đã bị thu hồi là bao nhiêu m², vì: Thực hiện dự án xây dựng cầu số 11, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định 2411/QĐ-UB ngày 13/10/2003, thu hồi diện tích thửa 213a, 213b (thửa mới là 243) diện tích

1.026,9m²; Thực hiện dự án đường tỉnh 908, UBND huyện BM ban hành Quyết định 2349/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 thu hồi chiết thửa 242+243b diện tích 4.632,8m²; Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 thu hồi thửa 213 (thửa cũ 217) diện tích 1.796m²; Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 thu hồi thửa 243a diện tích 1.458m².

Theo GCN.QSDĐ cấp cho cụ Kh ngày 02/02/1991 thể hiện: thửa 213 (thửa mới 243) có diện tích 7.200m². Các Quyết định thu hồi đất nêu trên do UBND huyện BT cung cấp chưa thể hiện được rõ ràng diện tích thửa 213 (thửa mới 243) bị thu hồi theo các Quyết định trên là bao nhiêu m². Trong các Quyết định chỉ thể hiện thu hồi thửa 243, thửa 243a, 243b; riêng Quyết định 2349/QĐ-UBND thể hiện thu hồi thửa 242+243b gộp chung với nhau một diện tích 4.632m² nên không thể xác định được thửa 243b bị thu hồi diện tích bao nhiêu m².

Mặt khác, theo đơn xin tách thửa ngày 02/6/2008 cụ Kh xin tách thửa 243 (thửa cũ 213) thành 05 thửa (BL105), đến ngày 17/7/2008 Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Long tiến hành xác minh đo đạc thửa 243 thì thực tế ghi nhận: Đo đạc thực tế 243-1 = 2.471,2m²; 243-2 = 1.000m²; 243-3 = 500m²; 243-4 = 1.000m²; 243-5 = 502,6m². Tổng diện tích = 5.473,9m². Phần diện tích đo đạc thu hồi đường 908 là 1.458m², diện tích giảm 268,1m² do 02 phương pháp đo vẽ và tính diện tích khác nhau (BL102).

Như vậy, sau khi UBND tỉnh Vĩnh Long và UBND huyện BM thu hồi diện tích thửa 213 (thửa mới 243) để thực hiện các dự án cầu, đường tỉnh lộ 908, UBND huyện BT đã không thu hồi, hủy GCN.QSDĐ đối với thửa 243, mà chấp thuận cho cụ Kh đăng ký kê khai lại và cấp GCN.QSDĐ 05 thửa mới (trong đó có thửa 655). Trước khi UBND huyện BT cấp GCN.QSDĐ cho cụ Kh đối với 05 thửa đất trên thì cơ quan chuyên môn đã đo đạc, xác định lại thửa đất 243, sau khi trừ đi diện tích bị thu hồi làm đường tỉnh 908 thì diện tích thực tế đã giảm so với diện tích thửa 243 được cấp GCN là 268,1m², sau đó ngày 20/10/2008 mới cấp GCN.QSDĐ cho cụ Kh 05 thửa đất mới trong đó có thửa 655 (theo Biên bản xác minh đo đạc ngày 17/7/2008 thì thửa 655 là phần đất thửa 243-5 = 502,6m² cụ Kh sử dụng cho đến nay).

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm nhận định: “Thực hiện các dự án như cầu số 10, cầu số 11 và đường 908. Tổng diện tích đã thu hồi của cụ Trương Văn Kh là 11.501,7m² trong đó diện tích của 2 thửa đất 242 và thửa 243 diện tích còn là 5.274,3m² (thửa số 242 còn lại diện tích là 2.421m², thửa 243 diện tích 3.880m²).

Đến năm 2008, cụ Kh làm đơn xin tách thửa số 243 ra thành 05 thửa. Tổng cộng diện tích của 05 thửa sau khi tách ra là 5.473,6m², tăng hơn so với diện tích còn lại (3.880m²) là 1.593m².

Rõ ràng nếu UBND huyện BT cho rằng sau khi thu hồi đất của cụ Kh làm đường tỉnh lộ 908 thì diện tích thửa 243 chỉ còn lại diện tích 3.880m² mà lại chấp nhận cấp mới cho cụ Kh 05 thửa với diện tích 5.473,6m², cấp tăng hơn so với diện tích còn lại 1.593m² thì tại sao lại chỉ thu hồi và hủy thửa 655 diện tích 502,6m² mà không thu hồi cho đủ diện tích còn lại (1.593m² – 502,6m²) là 1.090,4m² mới phù hợp với diện tích của thửa 243 là 3.880m² như nhận định của bản án.

Bản án sơ thẩm tiếp tục nhận định các Công văn 150/UB, ngày 04/6/2002 và Công văn 1336/UBND-KTN, ngày 25/4/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long để xác định thửa đất 655 đã bị thu hồi làm đường tỉnh lộ 908, đồng thời xác định khi UBND huyện BT cấp GCN.QSĐĐ thửa 655 cho cụ Kh vẫn xác định diện tích 502,6m² thì có 477,5m² thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ, để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Kh, trong khi vẫn chưa thu thập đủ các căn cứ để xác định phần đất thửa 655 có “những đoạn trên tuyến đi cặp theo kênh có khoảng cách từ chân taluy ra đến mép kênh nhỏ hơn hoặc bằng 15m thì áp giá đền bù và thu hồi vĩnh viễn” và phạm vi giải phóng mặt bằng thu hồi đất, dự án cải tạo nâng cấp đường tỉnh 908: “...Từ tim thiết kế ra mỗi bên 10m, tổng phạm vi giải phóng mặt bằng 20m...”. Bản án nhận định như trên nhưng chưa tiến hành xác định vị trí thửa 655 có khoảng cách từ tim đường 908 đến thửa đất 655 là bao nhiêu mét và khoảng cách từ chân taluy ra đến mép kênh nhỏ hơn hoặc bằng 15m, mà lại tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Kh là thiếu căn cứ, không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Mặc khác, công trình làm cầu, đường 908 trước đây UBND huyện BM thực hiện, nhưng tại Công văn số 476/UBND-NC ngày 22/3/2021 UBND thị xã BM trả lời UBND huyện BT là hồ sơ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng của cụ Kh đã bị thất lạc nên không thể cung cấp được.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật tổ tụng hành chính năm 20015: “*Người bị kiện có nghĩa vụ cung cấp tài liệu mà căn cứ vào đó để ban hành Quyết định hành chính*”, nhưng UBND huyện BT không cung cấp được tài liệu để chứng minh thửa đất 655 nêu trên đã bị thu hồi hết để làm đường tỉnh lộ 908. Vì vậy, UBND huyện BT ban hành các Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 thu hồi và hủy GCN.QSĐĐ số M 599563, số vào sổ 63283, thửa 655, tờ bản đồ số 02, diện tích 502,6m² tọa lạc tại ấp TL, xã TT, huyện BT cấp cho cụ Kh ngày 20/10/2008 là chưa đúng quy định của pháp luật.

Do Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND huyện BT (trong đó có Quyết định số 1778/QĐ-UBND, Quyết định số 1779/QĐ-UBND đính chính về thẩm quyền ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND và Quyết định số 2481/QĐ-UBND) ban hành không có căn cứ nên Quyết định số 690/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện BT giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên nội dung Quyết định số 1460/QĐ-UBND và Quyết định số 2481/QĐ-UBND cũng không đúng pháp luật.

Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành thu thập, làm rõ hết các nội dung như phân tích trên mà đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Kh là chưa đủ căn cứ.

Bởi các lẽ trên, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định kháng nghị đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người kháng cáo do ông Khoa làm đại diện, trình bày: Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo nêu trên, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Kh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên các căn cứ kháng nghị nhưng thay đổi đề nghị của kháng nghị là từ đề nghị hủy án sơ thẩm sang đề nghị sửa án sơ thẩm.

- Ông Dũng đại diện UBND huyện BT, trình bày: Bảo lưu lời trình bày tại cấp sơ thẩm, đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý đối với kháng cáo và kháng nghị, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm. Do phần đất thửa 655 trước đây là thửa 243b đã bị thu hồi và bồi thường xong.

- Ông A đại diện UBND xã TT, trình bày: Thời điểm năm 2006 khi thu hồi đất của cụ Kh có lách phần căn nhà của cụ Kh qua cái mương và bờ xoài, khi đó cụ Kh xin giữ nguyên bờ xoài để cụ thu hái trái do xoài đang ra hoa, vì thế mới giữ nguyên bờ xoài cho cụ Kh, còn thực tế thì cụ Kh đã nhận tiền bồi thường xong.

- Luật sư T, trình bày: Giữ nguyên các lý do và yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo của cụ Kh đã nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và kháng nghị, sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Kh.

- Ông V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, trình bày: Thửa đất 243 nay là thửa 655 đã bị thu hồi và bồi thường xong theo các Quyết

định số 2349 và 2351 cùng ngày 18/9/2006 của UBND huyện BM (nay là BT), khi thu hồi do GCN.QSDĐ của cụ Kh đang thế chấp để vay vốn Ngân hàng nên không thu hồi GCN.QSDĐ, vì thế khi xem xét cấp mới GCN.QSDĐ cho cụ Kh cán bộ tham mưu đã có sai sót nên đề xuất không đúng, việc này đã được xem xét kiểm điểm trách nhiệm. Quyết định của Tòa cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, giữ nguyên án sơ thẩm.

Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Quyết định kháng nghị số 130/QĐ-VKS-HC ngày 14/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của cụ Kh, chấp nhận thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa án sơ thẩm hủy các quyết định mà người khởi kiện yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về thủ tục:*

[1] Kháng cáo của người khởi kiện và kháng nghị phúc thẩm số 130/QĐ-VKS-HC của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đều đúng quy định tại Điều 206 và Điều 213 Luật tố tụng hành chính năm 2015 nên được xem xét tại cấp phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện; thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Tòa sơ thẩm xác định là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32 và Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

- *Về nội dung:* Đối với kháng cáo của người khởi kiện cụ Trương Văn Kh và thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát, xét:

[1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

UBND huyện BT ban hành các Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/7/2019; Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 22/10/2019; Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2020; Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 và Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 là phù hợp quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và điểm a, b khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ.

Tuy nhiên, đối với Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 theo Điều 9 Luật khiếu nại năm 2011 thì thời hiệu khiếu nại đối với Quyết định 1460/QĐ-UBND là 90 ngày, cụ Kh nhận Quyết định 1460/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 nhưng cùng ngày 22/10/2019 UBND huyện BT lại ban hành Quyết định 2481/QĐ-UBND về việc hủy GCN.QSDĐ cấp cho cụ Kh tại thửa 655 là không đúng quy định.

[2] Về nội dung quyết định:

[2.1] Xét, yêu cầu hủy Quyết định 1460/UBND-ND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện BT.

UBND huyện BT ban hành Quyết định số 1460/UBND-ND ngày 15/7/2019 và Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 để thu hồi, hủy GCN.QSDĐ số M 599563, số vào sổ 63283, thửa 655 tờ bản đồ số 02, diện tích 502,5 m² tọa lạc tại ấp TL, xã TT huyện BT cấp ngày 20/10/2008 cho ông Trương Văn Kh. Lý do thu hồi là thửa đất đã nằm trong phần đất bị thu hồi làm cầu đường 908, cụ Kh đã nhận tiền bồi hoàn xong, nhưng UBND huyện BT không cung cấp được tài liệu để chứng minh phần đất thửa 655 (trước đây là chiết thửa 213) đã bị thu hồi là bao nhiêu m². Theo báo cáo số 53/BC-TTTr ngày 20/6/2019 của Thanh Tra huyện BT thì dự án cầu số 11 thu hồi theo Quyết định 3411/QĐ-UB ngày 13/10/2003 diện tích thửa 213 (thửa mới là 243) diện tích 1.026,9 m²; dự án đường 908 UBND huyện BM thu hồi: theo Quyết định 2349/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 thu hồi chiết thửa 242 + 243b diện tích 4.632 m²; theo Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 thu hồi diện tích thửa 213 (thửa mới là 243) diện tích 1.796 m²; theo Quyết định 2351/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 thu hồi diện tích thửa 243a diện tích 1.458m². Như vậy, các Quyết định thu hồi UBND huyện BT cung cấp chưa thể hiện thửa 213 trước đây (sau đó là thửa 243) có diện tích bị thu hồi là bao nhiêu m²? Thu hồi theo các Quyết định trên thì chưa rõ ràng lúc thì thửa 243, lúc thì 243 a, 243 b; theo Quyết định 2349/QĐ-UBND thì thu hồi chiết thửa 242 + 243b gộp chung với nhau một diện tích 4.632 m² nên không thể xác định được thửa 243b bị thu hồi diện tích bao nhiêu m². Sau khi thu hồi diện tích của thửa 213 (thửa mới là 243) thì UBND huyện không thu hồi, hủy GCN.QSDĐ, đến khi cụ Kh xin tách làm 05 thửa thì lại cấp GCN.QSDĐ trong đó có thửa 655 nói trên. Tại Biên bản xác minh đo đạc ngày 17/7/2008 (trong hồ sơ cấp GCN.QSDĐ cho cụ Kh năm 2008) có ghi rõ: *“Thửa đất số 243 – diện tích 7.200m² – loại đất Q (quả), đo đạc thực tế 5.473,9m² phần diện tích thu hồi đường 908 là 1.458m², diện tích giảm 268,1m² do hai phương pháp đo vẽ và tính diện tích khác nhau”*. Diện tích bị thu hồi 1.458m² theo Biên bản xác minh ngày 17/7/2008 vừa nêu là diện tích

bị thu hồi theo Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 của UBND huyện BT thu hồi chiết thửa 243a- diện tích 1.458m² làm đường tỉnh lộ 908.

Như vậy, để cấp GCN.QSĐĐ cho cụ Kh thửa 655, cơ quan chuyên môn cùng chính quyền địa phương đã xác minh thực tế, đã đối chiếu tài liệu địa chính lưu trữ xác định phần diện tích này là không bị thu hồi, còn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Kh, nên mới cấp GCN.QSĐĐ – như vậy là hợp pháp, đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Tại công văn số 476/UBND-NC ngày 22/3/2021 UBND thị xã BM trả lời UBND huyện BT là hồ sơ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng của ông Khoảnh đã bị thất lạc nên không thể cung cấp được. Theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật tổ tụng hành chính người bị kiện có nghĩa vụ cung cấp tài liệu mà căn cứ vào đó để ban hành quyết định hành chính nhưng UBND huyện BT không cung cấp được tài liệu để chứng minh thửa 655 tờ bản đồ số 02, diện tích 502,5 m² tọa lạc tại ấp TL, xã TT, huyện BT cấp ngày 20/10/2008 cho cụ Trương Văn Kh đã bị thu hồi hết, trong khi các lý do kháng cáo và kháng nghị đã nêu trên là rõ ràng và có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: UBND huyện BT cho rằng thửa đất số 655 (cũ là 243-5) đã nằm trong phần đất bị thu hồi làm cầu đường tỉnh lộ 908 để ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND và Quyết định số 2481/QĐ-UBND thu hồi, hủy GCN.QSĐĐ của cụ Kh đối với thửa 655 là không có căn cứ.

[2.2] Xét, yêu cầu hủy Quyết định 690/QĐ-UBND, ngày 18/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện BT về việc giải quyết khiếu nại của cụ Trương Văn Kh.

Như nhận định trên, do Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND huyện BT (trong đó có Quyết định số 1778/QĐ-UBND và Quyết định 1779/QĐ-UBND cùng ngày 07/9/2020 của UBND huyện BT, đình chính về thẩm quyền ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND và 2481/QĐ-UBND) ban hành không có căn cứ nên Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND huyện BT giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên nội dung Quyết định 1460/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND huyện BT cũng là không đúng pháp luật.

[3] Từ những viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi kháng nghị Viện kiểm sát; chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa án sơ thẩm. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Kh như đã nêu trên.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện nên UBND huyện BT phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên cụ Trương Văn Kh không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241; khoản 1 Điều 3; Điều 30; Điều 32; khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204, Điều 206, Điều 213 và Điều 348, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 106 Luật đất đai; Khoản 3, khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định quy định về đất đai; khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát; chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện; sửa bản án sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Trương Văn Kh, hủy các quyết định sau đây của Ủy ban nhân dân huyện BT.

2.1. Quyết định số 1460/QĐ-UBND, ngày 15/7/2019 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 599563, sổ vào sổ 63283, thửa đất số 655 tờ bản đồ số 02, diện tích 502,6m², tọa lạc ấp TL, xã TT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long đã cấp cho ông Trương Văn Kh ngày 20/10/2008.

2.2. Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 599563, sổ vào sổ 63283, thửa đất số 655 tờ bản đồ số 02, diện tích 502,6m², tọa lạc ấp TL, xã TT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long đã cấp cho ông Trương Văn Kh ngày 20/10/2008.

2.3. Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn Khoảnh, cư ngụ ấp TL, xã TT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

2.4. Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 về việc đình chính quyết định số 1460/QĐ-UBND, ngày 15/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT.

2.5. Quyết định số 1779/QĐ-UBND, ngày 07/9/2020 về việc đình chính quyết định số 2841/QĐ-UBND, ngày 22/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện BT phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Cụ Trương Văn Kh không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (5);
- Lưu VT (5), HS (2), 17b, (ÁN09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tửu